

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số

điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm là 1,5% áp dụng đối với đất đô thị được quy định theo khu vực, tuyến đường tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm là 0,5% áp dụng đối với các trường hợp:

- Đất thuộc khu kinh tế cửa khẩu; dự án xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; ngoại trừ đất đô thị quy định tại điểm a khoản này.

Việc xác định địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; dự án thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

c) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm là 1,0% áp dụng đối với các trường hợp còn lại.

2. Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai:

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước: xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo mức tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước: xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng đất.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Các trường hợp được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền xác định đơn giá thuê đất và còn trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì tiếp tục ổn định đơn giá thuê đất đến hết thời gian ổn định đó mới điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

2. Các trường hợp đến hạn điều chỉnh đơn giá thuê đất trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng do nguyên nhân khách quan mà cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất thì việc điều chỉnh đơn giá thuê đất được thực hiện theo chính sách tại thời điểm đến hạn điều chỉnh, không phụ thuộc vào thời điểm thực hiện điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Việc xác định đơn giá thuê đất của từng dự án cụ thể được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Các nội dung khác liên quan đến thu tiền thuê đất, thuê mặt nước không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 và các Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018, thay thế Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT-NSưong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc